

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Về quản lý giá.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Để chuyển công tác quản lý giá phù hợp với nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp và người tiêu dùng, góp phần ổn định đời sống nhân dân;

Căn cứ kết luận của Hội đồng Nhà nước tại phiên họp ngày 21 và 22 tháng 2 năm 1992 xem xét dự án Pháp lệnh về giá;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

I- DANH MỤC HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ CHUẨN VÀ GIÁ GIỚI HẠN

Điều 1.- Nhà nước định giá chuẩn:

- Điện, cước thư, cước điện thoại, điện báo trong nước;
- Thuỷ lợi phí đối với việc sử dụng nước từ công trình thuỷ lợi đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước;
- Tài nguyên nhượng bán hoặc cho thuê;
- Đất cho thuê;
- Nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho thuê hoặc bán.

Điều 2. - Nhà nước định giá giới hạn:

- Giá tối đa hàng chuẩn: xăng dầu, kim loại, urê, xi măng, giấy in báo, cước vận chuyển bằng đường sắt, đường biển đối với lương thực từ Nam ra Bắc, phân bón từ Bắc vào Nam và một

số hàng hoá quan trọng đưa lên miền núi, giá giới hạn mua vào và bán ra các mặt hàng thuộc danh mục dự trữ quốc gia.

2. Giá tối thiểu mua thóc, giá tối đa bán gạo tại các thị trường trọng điểm khi có biến động giá;
3. Giá tối đa nước máy tại các thành phố, khu công nghiệp;
4. Giá xuất khẩu tối thiểu bằng ngoại tệ: gạo, dầu thô, giá nhập khẩu tối đa bằng ngoại tệ, xăng dầu, urê;
5. Giá để tính thuế đối với đất;
6. Giá để tính thuế một số hàng nhập khẩu;
7. Tỷ giá giữa đồng ngân hàng Việt Nam và đồng ngoại tệ.

Điều 3. - Nhà nước quy định cơ chế quản lý giá đối với:

1. Công trình xây dựng cơ bản thuộc sở hữu Nhà nước;
2. Tài sản cố định thuộc sở hữu Nhà nước nhượng bán;
3. Giá tài sản cố định áp dụng trong cơ chế bảo toàn vốn;
4. Cước bưu chính viễn thông quốc tế.

Điều 4. - Thẩm quyền của các ngành, các cấp trong việc quản lý và quy định giá:

1. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng:

- a) Quy định cơ chế quản lý giá đối với: công trình xây dựng cơ bản và giá tài sản thuộc sở hữu Nhà nước, cước bưu chính viễn thông quốc tế;
- b) Quyết định giá điện, cước thư, cước điện thoại và điện báo trong nước;
- c) Quyết định giá giới hạn xăng ô-tô, dầu diesel, dầu mazut, dầu hoả.

2. Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước:

- a) Được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng uỷ quyền ban hành một số quyết định giá những mặt hàng ghi tại khoản 1 của Điều này.
- b) Thẩm định các phương án giá do các Bộ quản lý ngành hàng trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.
- c) Chủ trì bàn với các Bộ, các ngành liên quan trình Hội đồng Bộ trưởng việc phân công quyền định giá giữa các Bộ các ngành đối với danh mục mặt hàng ghi tại Điều 1, Điều 2, Điều

3 ngoài danh mục thuộc Hội đồng Bộ trưởng quyết định và giá những hàng hoá dịch vụ khác thanh toán bằng nguồn ngân sách cấp.

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện giá hàng hoá và dịch vụ do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

e) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm kỷ luật Nhà nước về giá theo các quy định hiện hành.

3. Các Bộ quản lý ngành hàng:

a) Chỉ đạo các doanh nghiệp thuộc Bộ mình quản lý lập phương án giá trình Bộ và đồng gửi Ủy ban Vật giá Nhà nước (đối với hàng hoá và dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Bộ và Ủy ban Vật giá Nhà nước).

b) Đối với mặt hàng thuộc Hội đồng Bộ trưởng quyết định giá, thì Bộ quản lý ngành hàng lập phương án giá trình Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt, sau khi có ý kiến thẩm định của Ủy ban Vật giá Nhà nước.

4. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố:

a) Tổ chức chỉ đạo thực hiện quyết định giá hàng hoá, dịch vụ do cấp có thẩm quyền ở Trung ương quy định áp dụng tại địa phương.

b) Quyết định giá nước máy tại các thành phố, khu công nghiệp và giá một số ít hàng hoá, dịch vụ khác ngoài thẩm quyền định giá của trung ương, mà địa phương thấy cần thiết phải chỉ đạo giá sau khi thống nhất ý kiến về danh mục những hàng hoá, dịch vụ này với Ủy ban Vật giá Nhà nước.

Điều 5. - Cơ quan có thẩm quyền định giá chuẩn và giá giới hạn có trách nhiệm:

1. Phê duyệt giá đúng thời hạn theo quy định của Nhà nước.

2. Định lại giá chuẩn, giá giới hạn khi chi phí sản xuất biến động từ 5% đến 10% hoặc quan hệ cung cầu có thay đổi, cần thiết phải định lại giá.

Điều 6. - Đại diện Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tổ chức xã hội khác được nhận phương án giá có liên quan, tham gia thảo luận khi xác định mức giá và phê duyệt giá.

II- BÌNH ỔN GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI.

Điều 7. - Nhà nước thực hiện các biện pháp kinh tế để bình ổn giá cả thị trường xã hội, phấn đấu từng bước kiềm chế và đẩy lùi lạm phát. áp dụng các biện pháp có hiệu lực nhằm trước